TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C M** **TỈNH ĐIỆNBIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày 26/6/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C M, TỈNH ĐIỆN BIÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lò Văn Dinh.**
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông: **Khoàng Văn Hặc.**
2. Ông: **Nguyễn Xuân Hoàng.**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Chu Thị Chức** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C M, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C M tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện C M tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 16/2023/TLST-HNGĐ ngày 16/02/2023 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con, khi ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số:01/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 12 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Ly Giống K - Sinh năm: 1976 – Có mặt.

Địa chỉ: Bản N C, xã M T H, huyện C M, tỉnh Điện Biên.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Lường Văn Bình – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên – Có mặt.

- Bị đơn: Chị Sùng Thị D - Sinh năm: 1977 – Vắng mặt có lý do.

Địa chỉ: Bản N C, xã M T H, huyện C M, tỉnh Điện Biên.

Người phiên dịch: Thào A Chứ - Nơi cư trú: Bản Huổi Toóng 1, xã Huổi Lèng, huyện C M, tỉnh Điện Biên – Có mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 08/02/2023, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn anh Ly Giống K trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Sùng Thị D quen biết và tìm hiểu nhau, được sự nhất trí hai bên gia đình anh chị tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương về chung sống với nhau từ năm 1995, nhưng anh chị không đăng ký kết hôn với nhau. Anh chị về chung sống với nhau là tự nguyện không bị ép buộc, anh chị chung sống hạnh phúc cho đến đầu năm 2014 mới phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày không còn tìm được tiếng nói chung như trước đây, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng lớn, đến tháng 6/2014 chị D đã bỏ về nhà bố mẹ chị ở, anh chị sống ly thân với nhau từ đó đến nay, hiện giữa vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay anh thấy giữa vợ chồng không còn tình cảm với nhau, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng lớn không thể hàn gắn được, vậy anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện C M giải quyết cho anh được ly hôn với chị Sùng Thị D.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống anh chị có 03 con chung, cháu Ly A T sinh ngày 18/8/1998, cháu Ly Thị T sinh ngày 01/01/2004 và cháu Ly A C sinh ngày 17/3/2006. Đối với các cháu Ly A T, cháu Ly Thị T đều đã đủ tuổi trưởng thành và đều đã xây dựng gia đình riêng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Ly A C, hiện cháu ở cùng với anh, khi ly hôn anh có nguyện vọng trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng cháu cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi) và có đủ khả năng lao động. Anh không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

- Về tài sản*:* Anh chị không có tài sản gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Không có, không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn chị Sùng Thị D vắng mặt, tuy nhiên tại bản tự khai ngày 03/3/2023 cũng như trong quá trình giải quyết chị trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Ly Giống K sau khi tìm hiểu anh chị tiến tới hôn nhân về chung sống với nhau từ năm 1995 anh chị có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, nhưng anh chị không đăng ký kết hôn với nhau. Cuộc sống chung thời gian đầu hạnh phúc. Cho đến tháng 01/2014 anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, giữa vợ chồng thường xuyên xảy cãi nhau do chị không chịu đựng được chị bỏ nhà ra đi ở với bố mẹ chị và anh chị sống ly thân với nhau từ đó đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay anh K đề nghị Tòa án nhân dân huyện C M giải quyết ly hôn với chị thì chị nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Anh chị có 03 con chung, cháu Ly A T, sinh ngày 18/08/1998, cháu Ly Thị T, sinh ngày 01/01/2004, cháu Ly A C, sinh ngày 17/03/2006. Cháu Ly A T và cháu Ly Thị T hiện đã đủ tuổi trưởng thành các cháu đều đã xây dựng gia đình riêng, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Ly A C hiện ở cùng với anh K. Ly hôn chị có nguyện vọng giao cháu Ly A C cho anh K trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có đủ khả năng lao động. Chị không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con cùng với anh K.

- Về tài sản*:* Anh chị không có tài sản gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Không có, không yêu cầu giải quyết.

* Quá trình xác minh của Tòa án: Trong quá trình giải quyết vụ án TAND huyện C M tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh K và chị D tại bản N C, xã M T H, huyện C M, tỉnh Điện Biên. Anh K và chị D về chung sống với nhau từ năm 1995, nhưng không đăng ký kết hôn với nhau, anh chị về chung sống với nhau là hoàn toàn tự nguyện. Trong cuộc sống hàng ngày giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, anh chị sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Anh K, chị D hiện đều đang làm ruộng, nương tại địa phương, thu nhập hàng tháng đủ ăn, cả hai anh chị đều có điều kiện nuôi con ngang nhau.

* Cháu Ly A C có nguyện vọng nếu bố mẹ cháu (anh K và chị D) ly hôn với nhau cháu muốn được ở cùng với bố.

* Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Lường Văn Bình trình bày:

- Ông nhất trí với phần trình bày của anh K và chị D. Về hôn nhân: Trong cuộc sống giữa vợ chồng đã xảy nhiều cuộc cãi nhau, không còn tôn trọng nhau, anh chị đã sống ly thân đầu năm 2014, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, như vậy cuộc hôn nhân giữa anh K và chị D không thể hàn gắn lại được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vậy đề nghị áp dụng Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016-TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp, đề nghị tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh K và chị D.

Về con chung: Đối với Cháu Ly A C thì anh K và chị D đều có quyền, nghĩa vụ ngang nhau trong việc trông nom chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên kể từ ngày anh chị sống ly thân, anh K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho cháu C và xét nguyện vọng của cháu C và theo sự thỏa thuận của anh chị. Vậy đề nghị áp dụng Điều 58, 69, 70, 71, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Ly A C, sinh ngày: 17/3/2006 cho anh Ly Giống K trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi) và có đủ khả năng lao động. Không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung cùng với anh K.

- Về tài sản*:* Anh chị không có tài sản gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Anh Ly Giống K là dân tộc thiểu số, sinh sống ở nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho anh K.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký; việc chấp

hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không vi phạm gì. Đồng thời đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 228/BLTTDS; khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 15, Khoản 2 Điều 53, Điều 58, 69, 70, 71, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016-TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Ly Giống K và chị Sùng Thị D.

- Về con chung: Giao cháu Ly A C cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu C đủ tuổi thành niên (18 tuổi) và đủ khả năng lao động. Chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị D có quyền gặp gỡ, thăm hỏi con không ai được cản trở, anh chị có quyền thỏa thuận thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung và công nợ: Anh K và chị D đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh Ly Giống K là dân tộc thiểu số, sinh sống ở nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho anh K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình và nuôi con khi ly hôn, nguyên đơn và bị đơn cùng trú tại bản N C, xã M T H, huyện C M, tỉnh Điện Biên. Vậy, Toà án nhân dân huyện C M, tỉnh Điện Biên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Sùng Thị D có đơn đề nghị Tòa án xem xét xử vắng mặt vì công việc gia đình không thể có mặt tại Tòa án để tham gia giải quyết, xét xử vụ án (đề nghị của chị D được thể hiện tại đơn xin xét xử vắng mặt). Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đề nghị này của chị Sùng Thị D là có cơ sở cần được chấp nhận. Anh Ly Giống K có mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Sùng Thị D theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội D vụ án: Xét quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy việc anh Ly Giống K và chị Sùng Thị D về sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1995**,** chỉ tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán và không đăng ký kết hôn là có thật. Đến thời điểm anh K có đơn khởi kiện xin ly hôn, mặc dù hai bên có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng hai bên vẫn không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy, việc hai bên chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng

ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Nay anh Ly Giống K có đơn xin ly hôn, nên căn cứ vào Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016-TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp. Tòa án thụ lý yêu cầu ly hôn và tuyên xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Ly Giống K và chị Sùng Thị D.

[3]. Về con chung: Anh chị có 03 con chung, cháu Ly A T, sinh ngày 18/08/1998, cháu Ly Thị T, sinh ngày 01/01/2004, chàu Ly A C, sinh ngày 17/03/2006. Anh chị đều trình bày đối với các cháu Ly A T và cháu Ly Thị T hiện đã đủ tuổi trưởng thành các cháu đều đã xây dựng gia đình riêng, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với cháu Ly A C, sinh ngày 17/03/2006. Xét nguyên vọng của cháu, quá trình xác minh của Tòa án về điều kiện nuôi con, tại buổi hòa giải ngày 16/3/2023 anh chị thỏa thuận, thống nhất với nhau về người trực tiếp nuôi con. Cần ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị là giao cháu Ly A C, sinh ngày 17/03/2006 cho anh Ly Giống K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có đủ khả năng lao động, anh K không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con cùng với anh.

Chị Sùng Thị D được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở. Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau ly hôn khi có yêu cầu.

[4]. Về tài sản chung và công nợ: Anh K và chị D đều khai, không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Những đề nghị của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là có căn cứ cần được chấp nhận.

[6]. Xét ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét và có quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật; Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C M, tỉnh Điện Biên tại phiên tòa phù hợp với quan điểm giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử sơ thẩm.

[7]. Về án phí: Anh Ly Giống K là dân tộc thiểu số sinh sống nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên cần áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho anh Ly Giống K là phù hợp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, các Điều 58, 69, 70, 71, 81, 82, 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

* Căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Ly Giống K và chị Sùng Thị D.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của anh K, chị D. Giao cháu Ly A C, sinh ngày 17/03/2006 cho anh Ly Giống K trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có đủ khả năng lao động, Anh K không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con cùng với anh.

Chị Sùng Thị D được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở. Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau ly hôn khi có yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 miễn toàn bộ án phí DSST cho anh Ly Giống K.

* Căn cứ vào Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Nguyên đơn Ly Giống K có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26/6/2023). Bị đơn chị Sùng Thị D vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- P.KT NV–THA TAND tỉnh ĐB;
- Viện kiểm sát huyện C M;
- Chi cục THADS huyện C M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lò Văn Dinh